TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn
2. Ông Hoàng Quang Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1977
Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1976
Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2022, bản tự khai ngày 28/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N và ông A chung sống từ năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2007, quyển số 01, ngày 27/11/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông A thường xuyên nhậu nhẹt say sỉn về nhà kiếm

chuyện về chửi bới xúc phạm, đánh đập bà và các con, gây ảnh hưởng tâm lý đến các con và bà, không lo làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên kình cãi. Hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 không quan tâm hỏi han, hàn gắn, tôi đã hai lần nộp đơn đến Tòa án để giải quyết nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng ông A vẫn không thay đổi, ông A nói bà nộp đơn ly hôn để Tòa án giải quyết đơn phương nên sẽ không đến Tòa án làm việc. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn chung sống với nhau, không ai còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương nên không thể hàn gắn tình cảm, bà cũng không còn tình cảm đối với ông A nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà N và ông A có 02 con chung Nguyễn Th L , sinh ngày 09/5/1999 và Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 05/11/2002. Con chung đã thành niên, khỏe mạnh, bình thường không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Tuấn A trình bày:*

Ông A và Bà N chung sống từ năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2007, quyển số 01, ngày 27/11/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, Từ năm 2021 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng đây là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, ông thừa nhận bản thân nhiều khi có uống rượu say sỉn về nhà chửi bới bà N nhưng không quậy phá xóm làng, đánh đập bà N. Bà N trước đây là ở nhà buôn bán nhỏ, bán hàng ăn sáng, đến cuối năm 2021 thì bà N làm thêm công việc môi giới bất động sản dẫn đến nợ nần khoảng 800 triệu đến 1 tỉ đồng, sau đó đến cuối năm 2022 bà N tự ý dọn đồ đạc ra khỏi nhà, sinh sống cùng ai, ở đâu thì ông không rõ.

Ông A không đồng ý ly hôn với bà N, vợ chồng chung sống nhiều năm không xảy ra mâu thuẫn gì to lớn, ông vẫn muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng do bà N chặn số điện thoại của ông, ông không có cơ hội để nói chuyện đưa ra biện pháp hàn gắn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Th L , sinh ngày 09/5/1999 và Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 05/11/2002. Con chung đã thành niên, khỏe mạnh, bình thường không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Nguyễn Thị N đã nộp Tòa án:* Đơn khởi kiện; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân bản sao; bản tự khai.

- *Tài liệu,chứng cứ của bị đơn Nguyễn Tuấn A đã nộp Tòa án:* căn cước công dân bản photo.

- *Các tài liệu,chứng cứ do Tòa án thu thập:* Biên bản xác minh tại Công an xã T; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân; Biên bản về việc không tống đạt được; biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Tuấn A ngày 14/4/2023.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình đã trình bày trong hồ sơ vụ án, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật..*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:*

Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Bà N được ly hôn ông A; đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; Bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Tuấn A – đều trú tại thôn S, xã T, huyện C, Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2007, quyển số 01, ngày 27/11/2007 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Theo hai bên đương sự trình bày, từ năm 2020 do gặp khó khăn trở ngại trong việc làm ăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông A thường xuyên uống rượu say về mắng chửi bà Nam. Từ tháng 10 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Từ đó cho đến nay cả hai bên không ai có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn để tiếp tục chung sống.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Tuấn A là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Tuấn A có hai con chung là Nguyễn Th L , sinh ngày 09/5/1999 và Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 05/11/2002. Con chung đã thành niên, khỏe mạnh, bình thường không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" là 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Con chung đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0009310 ngày 19/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND HUYỆN C;
- CCTHADS HUYỆN C;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng